

## Lộ diện Thách thức Tàu ngầm ở Châu Á

Từ những năm 1950 đến nay, lực lượng tàu ngầm đáng gờm của Nga ở Đại Tây Dương luôn là mối đe dọa đối với ưu thế công nghệ của hải quân Mỹ về chiến tranh ngầm. Tuy nhiên, xu hướng này đang từ từ thay đổi. Không phải Đại Tây Dương, Thái Bình Dương mới là khu vực mà Mỹ gặp phải thách thức lớn nhất. Trong buổi [điều trần năm 2016](#) của mình, Tư lệnh Thái Bình Dương, Đô đốc Harry Harris đã cảnh báo rằng, số lượng tàu ngầm của Bắc Triều Tiên, Nga và Trung Quốc chiếm 150 chiếc trong tổng số 200 tàu ngầm hoạt động ở Thái Bình Dương. Con số này chỉ nói lên một phần về điểm báo thách thức đang ngày càng gia tăng. Xu hướng mà các quốc gia này đầu tư vào phát triển tàu ngầm - cùng với 10 quốc gia châu Á – Thái Bình Dương khác – sẽ tạo ra những mối nguy hiểm lớn hơn nhiều trong hoạt động chiến tranh ngầm ở châu Á – Thái Bình Dương vào năm 2030. Mỹ cần phải bắt tay vào xây dựng những chính sách và khuôn khổ phù hợp nhằm định hình môi trường này trước khi khủng hoảng xảy ra.

[Phán quyết với sự nhất trí tuyệt đối](#) mới đây của Tòa Quốc tế về Luật biển cùng với việc Trung Quốc lớn tiếng phản đối, chủ động bác bỏ tính hợp pháp của phán quyết đã khiến nhiều quốc gia nhận thấy sự cần thiết phải sở hữu lực lượng tàu ngầm đủ khả năng răn đe. Không hề ngạc nhiên khi [gần đây](#), các quốc gia trong khu vực đang tăng cường lực lượng tàu ngầm của mình và một số các quốc gia khác đang cân nhắc thiết lập năng lực này. Cả hai xu hướng trên đều được thể hiện bằng những con số dưới đây, tính từ hiện tại và đến năm 2030 về tổng số hạm đội tàu ngầm chạy diesel (SSK) và tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân (SSN). Các quốc gia Châu Á đang tìm cách phát triển lực lượng tàu ngầm đủ khả năng răn đe bởi họ mất dần niềm tin vào sự trỗi dậy hoà bình của Trung Quốc cũng như vào cam kết duy trì ổn định của Mỹ.

	Tàu ngầm tấn công năm 2016		Tổng số lượng tàu ngầm tấn công năm 2016	Tàu ngầm mới đưa vào hoạt động, đến năm 2030		Tàu ngầm tấn công mới năm 2030
	SSK	SSN	SSK+SSN	SSK	SSN	SSK+SSN
Úc	6	0	6	1	0	1
Trung Quốc	51	7	58	24	8	32
Ấn Độ	13	1	14	8	2	10
Indonesia	2	0	2	5	0	5
Nhật Bản	18	0	18	4	0	4

Malaysia	2	0	2	2	0	2
Bắc Triều Tiên	20	0	20	5	0	5
Pakistan	5	0	5	8	0	8
Philippines	0	0	0	1	0	1
Nga	22	27	49	6	5	11
Singapore	4	0	4	2	0	2
Hàn Quốc	12	0	12	9	0	9
Đài Loan	4	0	4	4	0	4
Thái Lan	0	0	0	3	0	3
Mỹ	0	52	52	0	21	21
Việt Nam	5	0	5	1	0	1
<b>Tổng</b>	<b>164</b>	<b>100</b>	<b>264</b>	<b>83</b>	<b>36</b>	<b>119</b>

*Bảng 1: Lực lượng tàu ngầm tấn công hiện tại cũng như dự đoán trong tương lai của các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương*

### Sứ mệnh của lực lượng tàu ngầm

Tàu ngầm có thể được sử dụng để bảo vệ lãnh thổ của một quốc gia và triển khai sức mạnh ra bên ngoài lãnh thổ. Hầu hết các quốc gia biển châu Á đều đang sở hữu tàu ngầm phục vụ cho năng lực chống tiếp cận biển nhằm đối phó với đối phương vượt trội về cả số lượng và năng lực quân sự. Chiến tranh ngầm vốn là hình thức chiến tranh bất đối xứng, có nguy cơ gây ra những tổn thất lớn cho bất kỳ đối thủ tiềm tàng nào. Chỉ cần một mối đe dọa từ hoạt động của tàu ngầm cũng có thể ảnh hưởng lớn đến những toan tính trong kế hoạch của đối phương. Trong thời bình, các lực lượng tàu ngầm hoàn thành mục tiêu này thông qua việc giám sát hoạt động hải quân của các quốc gia khác, bảo vệ các tuyến đường giao thương biển của họ, và đối với một vài quốc gia khác, đó là tạo ra sự răn đe hạt nhân từ lực lượng tàu ngầm trên biển. Một lực lượng tàu ngầm hiện đại được vận hành bởi đội ngũ thủy thủ được huấn luyện tốt là công cụ hết sức hữu hiệu và linh hoạt để hoàn thành các sứ mệnh này.

### Đặc điểm địa lý khu vực châu Á – Thái Bình Dương

Đặc điểm địa lý biển khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, cùng với vai trò trung tâm của nó đối với nền kinh tế Mỹ và toàn cầu, có tác động rất lớn đến cách thức triển khai tàu ngầm trên toàn bộ khu vực. Chuỗi đảo thứ nhất, trải dài từ Nhật Bản qua Đài Loan tới Philippines, hình thành nên một rào chắn tự nhiên mà Trung Quốc lo ngại là bức tường tự nhiên “làm nghẽn” lực lượng hải quân nước này. Tương tự, bởi có quá ít phương án tác chiến khả dĩ thông qua chuỗi đảo thứ nhất, do đó lực lượng tên lửa đang ngày càng thiện chiến của Trung Quốc chỉ cần thiết lập một vài “điểm mục tiêu” là đủ để đáp trả trong trường hợp bị hải quân nước ngoài tấn công. Các “yết hầu” quan trọng như eo biển Malacca, Lombok và Sunda càng khiến cho việc tiếp cận khu vực này trở nên phức tạp hơn. (Xem hình 2 bên dưới).



Hình 2: Các yết hầu trên biển ở Châu Á (Nguồn Sáng kiến Minh bạch Biển châu Á – AMTI, CSIS)

Trong một số trường hợp, lực lượng tàu ngầm cũng bị ảnh hưởng rất lớn bởi đặc điểm địa lý dưới mặt biển khác nhau (về kỹ thuật, **hoạt động đo độ sâu**) ở Châu Á. Khu vực này bao gồm những vùng biển nông như Biển Hoàng Hải và Biển Hoa Đông, các vùng biển có độ sâu rất lớn như Biển Philippines và các vùng duyên hải địa hình phức tạp mang cả hai đặc điểm trên. Tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân thống trị tuyệt đối tại các vùng biển sâu và biển mở nhưng sẽ gặp khó khăn lớn tại các vùng biển nông đông đúc tàu bè ở khu vực Đông Nam Á. Ở đây, tàu chạy bằng diesel điện nhỏ hơn có thể tận dụng địa hình địa lý biển đa dạng để làm lợi thế cho mình. Các vùng biển nông tại các khu vực duyên hải Châu Á kết hợp với các điểm yết hầu của khu vực sẽ tăng cường năng lực chống tiếp cận vốn có trong nhiệm vụ của tàu ngầm.

**Nền tảng + Con người = Năng lực**

Với yêu cầu cao hơn hầu hết mọi khí tài hải quân khác, tàu ngầm đòi hỏi sự bảo trì thường xuyên, phức tạp cũng như một đội ngũ thủy thủ đoàn được huấn luyện tốt để khai thác hết tiềm năng của loại khí tài này. Trong gần như toàn bộ vòng đời của mình, tàu ngầm hoạt động trong môi trường có áp lực nước và độ ăn mòn cao, chúng dựa vào việc trang thiết bị được vận hành một cách hoàn hảo để đảm bảo hoạt động yên lặng không gây tiếng ồn. Nhiều quốc gia Châu Á hiện đang sở hữu những chiếc tàu ngầm tương đối hiện đại của nước ngoài, nguyên do là bởi họ thiếu nhà máy đóng tàu có đủ khả năng đóng những con tàu hiện đại. Điều này cho thấy rõ ràng là độ bền bỉ của những chiếc tàu ngầm mà họ sở hữu sẽ dựa chủ yếu từ các hợp đồng cung cấp từ bên ngoài. **Chặng hạn**, sau khi Malaysia mua hai tàu ngầm *Scorpene* của công ty đóng tàu DCNS của Pháp, công ty này hiện đang cung cấp toàn bộ sự hỗ trợ cho Malaysia do những khó khăn, hạn chế trong việc bảo dưỡng của Malaysia.

Bên cạnh vấn đề bảo dưỡng, việc xây dựng một đội ngũ thủy thủ tàu ngầm có trình độ cũng đang là thách thức đối với các lực lượng hải quân nhỏ. Ngoài các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính hay cơ sở hạ tầng cho huấn luyện, các lực lượng hải quân nhỏ sẽ hầu như không thể xây dựng một đội ngũ thủy thủ tàu ngầm tinh nhuệ. Lực lượng hải quân chỉ với một hay hai chiếc tàu ngầm hoạt động sẽ phải tìm cách bù đắp cho sự thiếu hụt kinh nghiệm hoạt động dưới biển vốn quan trọng cho việc phát triển kỹ năng cần thiết cho cả sỹ quan và quân nhân. Thiếu hụt nguồn nhân lực được đào tạo và các cơ sở đào tạo không phải là điều gì mới mẻ đối với các quốc gia châu Á, nhưng dù gì thì các quốc gia ở toàn bộ khu vực Châu Á sẽ cần phải khắc phục khó khăn này. Nếu không có thủy thủ đoàn được đào tạo tốt, các tàu ngầm hiện đại cũng khó mà phát huy được hiệu quả.

### **Năng lực tàu ngầm hiện tại và trong tương lai**

Mặc dù thời gian xây dựng lâu và điều kiện hoạt động phức tạp, nhiều khả năng các quốc gia châu Á sẽ có trên 100 chiếc tàu ngầm vào năm 2030. Trong nhiều trường hợp, các tàu cũ sẽ dừng hoạt động và được thay thế bằng các tàu mới và hiện đại hơn. Các quốc gia khác hoặc là đang theo đuổi hình thành một lực lượng tàu ngầm mới hoặc là mở rộng hạm đội hiện có của mình. Những quyết định như vậy, đặc biệt là đặt trong tổng thể, cho thấy một điều rằng, các quốc gia khu vực Châu Á – Thái Bình Dương không còn tin vào xu hướng tích cực về an ninh và ổn định khu vực.

Nhìn vào tương lai, sự gia tăng về số lượng tàu ngầm không hoàn toàn đồng nghĩa với sự phát triển về năng lực vượt trội, và nó cũng không hẳn đem đến những năng lực mà các quốc gia theo đuổi. Hầu hết các tàu ngầm SSK đều không đủ tốc độ cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ hộ tống tàu sân bay, nó cũng thiếu khả năng hoạt động trong thời gian dài ở những vùng biển rộng lớn như Thái Bình Dương hay Ấn Độ Dương. Để hiểu được tác động và vai trò trong tương lai của tàu ngầm tấn công ở khu vực

Châu Á – Thái Bình Dương, chúng ta cần phải đánh giá các lực lượng tàu ngầm hiện tại và trong tương lai ở khu vực này. (Tàu ngầm tên lửa đạn đạo – SSBN và SSB – là lực lượng quan trọng đối với năng lực răn đe và khả năng tấn công hạt nhân đáp trả, tuy nhiên lĩnh vực đó nằm ngoài phạm vi bài viết)

*Trung Quốc, Nga và Bắc Triều Tiên*

Hạm đội tàu ngầm tấn công của Trung Quốc có 58 chiếc với 6 lớp khác nhau: 4 tàu ngầm điện diesel (SSK) loại 035 lớp *Kilo*, Loại 039 và 039A lớp *Ming*, *Kilo*, *Song*, *Yuan*, hai tàu ngầm tấn công hạt nhân (SSN) loại 091 và 093 lớp *Han*, *Shang*. Bảng dưới đây cung cấp thêm thông tin về số lượng và loại tàu thuộc mỗi lớp.

Trung Quốc	Lực lượng hiện tại	Tàu không hiện đại	Đã lập kế hoạch	Tổng số tàu đến năm 2030
<b><u>SSK</u></b>				
<b>Lớp Ming</b>	12	12	0	0
<b>Lớp Song</b>	13	0-6	0	0-13
<b>Lớp Kilo</b>	12	0-2	0	8-10
<b>Lớp Yuan A/B</b>	12	0	0	12
<b>Lớp Yuan C</b>	2	0	6	8
<b>Tàu AIP trong tương lai</b>	0	0	18	18
<b><u>SSN</u></b>				
<b>Lớp Han</b>	3	3	0	0
<b>Lớp Shang</b>	4	0	2	6
<b>Loại 095</b>	0	0	6	6

Hình 3: Hải Quân Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLAN) tính từ 2016 đến 2030. Số lượng tàu trong tương lai dựa theo dự đoán của các tác giả.

Về hạm đội tàu ngầm tấn công hiện tại của Trung Quốc, nếu chỉ có khoảng từ 12 đến 20 tàu, họ khó có thể hoạt động hiệu quả trước đối phương có lực lượng tàu kỹ thuật hiện đại do những tàu này đã **lạc hậu và có vấn đề về chất lượng**, đó là các tàu lớp

*Ming, Han*, tàu lớp *Kilo* đời đầu, và khả năng là các mẫu tàu lớp *Song* đời đầu. Do vậy, hạm đội tàu ngầm hiện tại của Trung Quốc có thể bao gồm khoảng 38 và 46 tàu ngầm tấn công hiện đại. Phần lớn trong số chúng là tàu ngầm tấn công thông thường. Tàu ngầm lớp *Yuan* mới nhất được cho là loại tàu **được trang bị** hệ thống động cơ đẩy sử dụng không khí độc lập (AIP), kết hợp với công nghệ chống ồn từ Dự án tàu ngầm lớp *kilo* 636, và có khả năng phóng tên lửa hành trình chống tàu. Ngoài ra, có thể Trung Quốc đang thúc đẩy khả năng chế tạo tàu ngầm SSN lớp *Shang* Loại 093. Hiện Trung Quốc có hai chiếc như vậy đang hoạt động, cùng với 3 tàu khác đang chuẩn bị đưa vào hoạt động.

Có tin rằng Trung Quốc sẽ chế tạo và đặt mua thêm khoảng 32 tàu ngầm trong 15 năm tới, trong đó bao gồm tàu SSN lớp *Shang* cải tiến và tàu SSN thế hệ thứ 3 theo như tin tức đã đưa ra từ lâu, đó là tàu Loại 095. Dựa trên nguồn thông tin công khai và những phân tích của mình, chúng tôi tin rằng Trung Quốc sẽ sở hữu một lực lượng tàu ngầm hiện đại với số lượng xấp xỉ 60 tàu ngầm SSK và SSN vào năm 2030, trong đó chủ yếu là các loại tàu ngầm tấn công thông thường tân tiến được trang bị động cơ AIP. Với một đội ngũ thủy thủ được huấn luyện thích hợp, chúng sẽ trở thành một lực lượng tàu ngầm có năng lực cao với khả năng hoạt động dưới biển lâu hơn và tăng cường khả năng về âm thanh, đặc biệt là trong phạm vi chuỗi đảo thứ nhất và Biển Đông.

Không chỉ bày tỏ lo ngại về việc Trung Quốc đầu tư vào tàu ngầm, đô đốc Harris còn **nhấn mạnh** đến mối quan ngại về hạm đội tàu ngầm của Nga và Bắc Triều Tiên. **Theo Tính báo Hải quân Mỹ** thì số lượng tàu ngầm trong Hạm đội Thái Bình Dương của Nga là 22 chiếc. Trong đó, có thể chỉ có duy nhất một đến hai tàu SSBN, 3 đến 5 tàu SSN/SSGN và 5 chiếc SSK đang hoạt động tại khu vực. **Các nhà phân tích cho rằng**, ưu tiên của Nga là hạm đội Thái Bình Dương, nhưng vẫn chưa chắc chắn liệu mỗi ưu tiên này sẽ được tiếp tục duy trì hay không trong bối cảnh căng thẳng gia tăng ở Đông Âu cũng như vấn đề thiếu hụt nguồn ngân sách.

Tương tự, Bình Nhưỡng hiện cũng tuyên bố mình sở hữu khoảng 70 tàu ngầm, trong đó không có chiếc nào được cho là hiện đại và lực lượng này cũng không có khả năng cải thiện về cả mặt số lượng và chất lượng trong tương lai. Tuy nhiên, như những gì đã xảy ra trong vụ **chìm tàu Cheonan** của Hải quân Hàn Quốc năm 2010, tàu ngầm thô sơ của Bắc Triều Tiên vẫn có thể đặc biệt nguy hiểm ở khu vực ven biển Triều Tiên.

### *Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á*

New Delhi hiện đang sở hữu một hạm đội với 14 tàu ngầm đang hoạt động, chủ yếu là các tàu SSK (Loại 209) lớp *Sindhuyhosh (Kilo)* và *Shishumar*. Được chế tạo theo hợp đồng với Liên Xô/Nga và Đức, hạm đội này đang đến ngưỡng kết thúc sứ mệnh hoạt động của mình. Trong hai thập kỷ tới, **Ấn Độ có kế hoạch đóng thêm** 5 đến 8 tàu

ngầm SSK lớp *Kalvari*, tàu SSK lớp *Scorpene* do Pháp chế tạo hiện đang trong giai đoạn thỏa thuận chuyển giao công nghệ. Chiếc đầu tiên đã được hạ thủy hoạt động vào tháng 5/2016 sau vài năm chậm tiến độ. Tàu lớp *Kalvari* sẽ song hành cùng với tàu SSBN lớp *Arihant* 6.000 tấn, [chiếc tàu hạt nhân đầu tiên do Ấn Độ thiết kế và chế tạo](#), đưa Ấn Độ trở thành quốc gia thứ 6 trên thế giới vận hành được tàu SSBN. Chiếc tàu SSBN do Ấn Độ tự thiết kế và sản xuất này sẽ có vai trò như một thử nghiệm công nghệ phục vụ cho việc Ấn Độ tự thiết kế và sản xuất tàu SSN trong tương lai.

Việt Nam là một trong hai quốc gia của ASEAN có năng lực chiến tranh ngầm đáng gờm. Ngoài 5 chiếc đang hoạt động trong, Hải quân Việt Nam sắp sửa sở hữu chiếc [tàu ngầm thứ 6](#) lớp *Kilo* 636 trong Dự án với Nga. Những chiếc tàu ngầm này phát đi một tín hiệu rắn đẽ mạnh mẽ ở Biển Đông, một vùng biển tranh chấp và đông đúc tàu bè. Một quốc gia Đông Nam Á khác cũng có năng lực về chiến tranh ngầm là Singapore. Nước này hiện có 4 chiếc tàu ngầm đang hoạt động, đó là tàu lớp *Archer* và *Challenger* do Thụy Điển sản xuất. Dù tương đối lạc hậu nhưng những chiếc tàu này vẫn được nâng cấp và bảo trì thường xuyên. [Singapore có kế hoạch sở hữu](#) thêm hai chiếc tàu ngầm 2.000 tấn Loại 218SG để thay thế cho 2 chiếc tàu cũ kỹ lớp *Challenger*.

Hầu hết các quốc gia Đông Nam Á khác đều phải đối mặt với thách thức để làm sao có thể tiếp tục phát triển chương trình tàu ngầm đúng như lộ trình, trong bối cảnh các khó khăn về kỹ thuật, chính trị và/hoặc tài chính. Indonesia đang đàm phán tìm nguồn cung với một loạt quốc gia như Pháp, Nga và Hàn Quốc bởi nước này đang có ý định mở rộng hạm đội tàu ngầm của mình từ 2 lên 12 chiếc SSK. Malaysia, với những nỗ lực tăng cường hạm đội tàu ngầm của mình, đang gặp khó khăn do [bê bối tham nhũng của chính phủ](#) và [khả năng sản xuất yếu kém](#). Do đó, chiếc tàu *Scorpene* đầu tiên mà Malaysia tiếp nhận đã liên tục phải đối mặt với thiếu sót trong vấn đề bảo dưỡng. [Thái Lan](#) và [Pakistan](#) đang đàm phán thỏa thuận với Bắc Kinh để mua phiên bản xuất khẩu của tàu ngầm Lớp *Yuan* Loại 039A. Đối với Thái Lan, đây sẽ là lần đầu tiên nước này sở hữu năng lực tàu ngầm, và vẫn chưa rõ liệu Thái Lan và Pakistan có vận hành hiệu quả những chiếc tàu ngầm hay không.

*Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan*

Úc sở hữu hạm đội với 6 tàu ngầm lớp *Collins* nhưng hiện phải đối diện với vấn đề khá nghiêm trọng về chất lượng và việc bổ sung tàu mới. [Canberra từng tuyên bố](#) sẽ thay thế các loại tàu lớp *Collins* lỗi thời bằng 12 tàu Shortfin *Barracudas*, loại tàu ngầm trang bị động cơ AIP thông qua chương trình đầy tham vọng trị giá 38,5 tỷ USD giữa công ty DCNS của Pháp với ngành công nghiệp Úc. Chiếc đầu tiên sẽ được [đưa vào hoạt động](#) vào những năm 2030 và sẽ được trang bị hệ thống vũ khí chiến đấu của Mỹ, nhiều khả năng là các [thiết bị lặn không người lái](#) (UUV). Hạm đội tàu

*Barracuda* được kỳ vọng là sẽ hoạt động đến tận năm 2070. Mặc dù Tokyo có lẽ đã tuột mất hợp đồng thầu cung ứng hạm đội tàu ngầm trong tương lai cho Úc, nhưng Nhật Bản vẫn tiếp tục đầu tư vào lực lượng của mình, với 18 tàu SSK đang hoạt động **bao gồm 2 loại tàu**: tàu ngầm lớp *Oyashiro* cũ và những tàu lớp *Soryu* tân tiến hơn. **Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản lên kế hoạch** bổ sung thêm 4 tàu lớp *Soryus* và thành lập một hải đoàn gồm 6 chiếc tàu ngầm tại Yokosuka. Đối với Hàn Quốc, Hải quân nước này đang **sở hữu** 14 tàu SSK/SSP do Đức thiết kế, trong đó **tàu hiện đại nhất** được trang bị hệ thống động cơ AIP. **Đã có ý kiến kêu gọi Hàn Quốc bổ sung thêm 9 tàu ngầm** từ 3.000 đến 4.000 tấn, với **trang bị hệ thống tên lửa đạn đạo tầm ngắn**, để đưa vào hoạt động trong thời gian khoảng giữa những năm 2020. Thậm chí Đài Loan cũng có kế hoạch bổ sung thêm từ 4 đến 8 tàu ngầm do **chính nước này sản xuất** để thay thế cho các loại tàu cũ kỹ lớp *Zwaardvis* của Hà Lan, *Tench* của Mỹ và *Balao*. Đây là kế hoạch có lẽ mang tính biểu tượng nhiều hơn là tính khả thi do sự thiếu hụt về cả nguồn ngân sách cũng như nguồn nhân lực về chuyên gia công nghệ.

Trong khi các quốc gia châu Á – Thái Bình Dương đang tập trung tái cấu trúc hoặc tăng cường lực lượng tàu ngầm nhằm phát triển khả năng răn đe trong những thời kỳ bất ổn, thì Mỹ, một thế lực hải quân vốn thống trị từ lâu trong khu vực, lại đang phải **đối mặt với việc cắt giảm số lượng lực lượng tàu ngầm trong vòng 14 năm tới**. **Kế hoạch của Mỹ là cắt giảm lực lượng tàu ngầm tấn công từ 53 tàu hiện tại xuống còn 41 tàu vào năm 2028** trước khi dần trở lại số lượng tàu như hiện tại là 51 chiếc vào năm 2046.

Các chương trình đầu tư hiện có vào các kỹ thuật công nghệ hiện đại như thiết bị UUV (tàu lặn không người lái) có thể bù đắp phần nào cho sự suy giảm trên. Một số công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực này thuộc về các doanh nghiệp tư nhân. Do đó, rào cản trong việc tiếp cận (thông qua mua bán hay đánh cắp) công nghệ sẽ dễ khắc phục hơn so với những công nghệ tàu ngầm truyền thống được coi là “ưu việt” mà ngành tàu ngầm hạt nhân của Mỹ sở hữu. Thời gian để các quốc gia khác - dù là đồng minh hay đối thủ của Mỹ - tiếp cận, tận dụng công nghệ hay vượt mặt Mỹ có thể sẽ bị rút ngắn. Mặc dù vậy, do sự phức tạp trong hoạt động cũng như hệ thống dưới biển, sự thu hẹp trong lĩnh vực này không rõ ràng như các lĩnh vực khác.

### **Những tác động về chính sách**

Đối với Mỹ và các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương, tàu ngầm thể hiện một thông điệp quan trọng về ý định của một quốc gia – cụ thể là răn đe và nếu cần thiết là buộc đối thủ chấm dứt các hành động không mong muốn. Sự phát triển các hạm đội tàu ngầm trên khắp khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cho thấy các quốc gia khu vực đang muốn phòng ngừa một môi trường còn cạnh tranh hơn trong tương lai.



Dù cho giờ đây Mỹ đang tập trung đối phó với lực lượng tàu ngầm của Nga, nhưng những bước phát triển vượt bậc của lực lượng tàu ngầm Trung Quốc và sự suy giảm về số lượng của hạm đội tàu ngầm Mỹ vẫn sẽ là những nhân tố gây phức tạp nhất đối với các nhà lập kế hoạch và hoạch định chính sách của Hải quân Mỹ. Không dừng ở đó, những tiến bộ trong công nghệ đã cho phép tàu ngầm tăng cường đảm nhận những hoạt động đa nhiệm vụ. Hiện nay, tàu ngầm tấn công không chỉ thực hiện mỗi nhiệm vụ theo dõi hạm đội tàu nổi hay tàu ngầm tên lửa đạn đạo của đối phương. Tàu SSN hiện đại của Mỹ đang được sử dụng nhiều hơn vào mục đích thu thập tình báo, hoạt động đặc nhiệm, đối phó với khủng hoảng và răn đe thông thường. Việc ghép nhiều nhiệm vụ cho một số ít các khí tài quân sự sẽ buộc các nhà lãnh đạo chính trị và chỉ huy quân sự phải chấp nhận những đánh đổi phức tạp giữa khả năng tác chiến và thông tin chính trị.

Theo thời gian, sự cạnh tranh giữa các chỉ huy chiến đấu khu vực của Mỹ ở Châu Âu, Châu Á và Trung Đông nhằm giành quyền sở hữu những thiết bị quan trọng này sẽ ngày càng trở nên khốc liệt. Việc thiếu những đột phá quan trọng trong lĩnh vực UUV – kể cả về năng lực chỉ huy và kiểm soát, độ bền bỉ và khả năng sinh tồn – sẽ vẫn là những rào cản không dễ để vượt qua.

Tăng cường hợp tác, nhất là với các đồng minh có năng lực như Nhật Bản và Úc, có thể góp phần vào nỗ lực giảm thiểu rủi ro. Tuy nhiên, không phải mọi nỗ lực giảm thiểu rủi ro đều sẽ tương đồng với phân tích, tính toán của Lâu Năm góc, do đó đòi hỏi phải có một luồng tư duy mới của những người có trách nhiệm trong việc giám sát quá trình lập kế hoạch của Bộ Quốc Phòng.

Hải quân Mỹ không nên nghĩ rằng chỉ cần ngân sách đóng tàu được gia tăng thì sẽ giải quyết được thiếu hụt trong thời gian tới. Việc chi phí cho nguồn nhân lực gia tăng và áp lực cắt giảm sâu rộng về lượng quân số cuối cùng (tổng số lượng nhân sự trong quân đội) sẽ khiến cho việc tuyển dụng và duy trì lượng nhân sự cần thiết đối với thủy thủ đoàn cũng như việc duy tu số lượng tàu ngầm bổ sung mới sẽ trở nên khó khăn hơn, thậm chí ngay cả khi được bổ sung thêm nguồn ngân sách đóng tàu. Tương tự, dù có đạt được năng lực tuyệt đối từ các thiết bị UUV thì điều đó dường như cũng không bù đắp được vấn đề số lượng tàu ngầm bị cắt giảm trong trung và ngắn hạn, do sự phức tạp trong việc vận hành những nền tảng mới và tinh vi như vậy trong điều kiện đủ số lượng.

Những khoản đầu tư của hải quân tại Châu Á – Thái Bình Dương, đặc biệt là đối với tàu ngầm, đang tạo tiền đề cho một tương lai đầy nguy hiểm ở cả trên mặt nước cũng như ở dưới đáy biển. Việc ngày càng có nhiều quốc gia vận hành tàu ngầm sẽ khiến vùng không gian dưới đáy biển ngày càng trở nên chật chội và cạnh tranh. Nếu như

Mỹ vẫn tiếp tục kế hoạch đầu tư như hiện tại, bốn xu hướng lớn sau đây sẽ làm xói mòn vị thế thống trị của Washington trong lĩnh vực này.

*Thứ nhất*, việc ngày càng có nhiều quốc gia sở hữu nhiều tàu ngầm sẽ làm gia tăng rủi ro va chạm dưới biển và đi cùng với đó là các động lực leo thang căng thẳng không rõ ràng. *Thứ hai*, sự phổ biến tương đối nhanh của tàu ngầm diesel hiện đại đang trực tiếp thách thức đến ưu thế vượt trội về năng lực dưới biển của Mỹ. Các quốc gia không cần thiết phải đạt được ưu thế như Hải quân Liên Xô trước đây từng theo đuổi. Thay vào đó, họ chỉ cần đạt được sự thống trị cục bộ mà môi trường địa lý dưới biển tạo điều kiện và hỗ trợ họ. *Thứ ba*, việc Mỹ cắt giảm số lượng tàu ngầm (kéo theo cắt giảm về số lượng thủy thủ đoàn) sẽ làm giảm đi cơ hội để Mỹ tham gia và định hình xu hướng tổng thể về phát triển lực lượng tàu ngầm, đặc biệt là ở Châu Á – Thái Bình Dương nơi mà các lực lượng tàu ngầm vẫn còn “non trẻ”. *Thứ tư*, việc Mỹ giảm quy mô hạm đội tàu ngầm sẽ cản trở việc hình thành một khuôn khổ chiến tranh chống ngầm chiến trường mà có khả năng liên kết năng lực đa quốc gia nhằm đối phó với những thách thức chung.

Mỗi lĩnh vực trên đều cần sự đánh giá kỹ càng hơn, không chỉ trong bối bộ Hải quân mà còn phải từ cả ở các kênh công khai. Với xu hướng về năng lực tàu ngầm tương lai ở Châu Á – Thái Bình Dương và sự hiểu biết ban đầu trong việc xây dựng năng lực, giờ là thời điểm để thực hiện những phân tích thực sự nghiêm túc về những thách thức đang đặt ra cho Hải quân Mỹ trong không gian dưới đáy biển và nghiên cứu cách thức để hóa giải những thách thức này thông qua hoạt động đầu tư và xây dựng đối tác.

*John Schaus là nghiên cứu viên Chương trình Nghiên cứu An ninh Quốc tế tại Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế và Chiến lược (CSIS). Tại đây ông tập trung nghiên cứu về các thách thức an ninh châu Á. Lauren Dickey là nghiên cứu sinh Tiến sĩ tại Trung tâm Nghiên cứu Chiến tranh thuộc Trường King's College London và Đại học Quốc gia Singapore. Andrew Metrick là nhà nghiên cứu liên kết tại Trung tâm Nghiên cứu An ninh Quốc tế tại CSIS.*

Lưu chú về nguồn: Các bảng được sử dụng trong bài viết này được biên soạn dựa trên một số nguồn: tài liệu Hải quân Mỹ; “The PLA Navy: New Capabilities and Missions for the 21st Century”, Văn phòng Tình báo hải quân Mỹ; các báo cáo được xuất bản từ những phân tích chính phủ Mỹ; *The Military Balance*, CSIS; các bài viết công khai từ các cơ quan nghiên cứu và báo chí khu vực; phân tích của các tác giả bài viết về những mô hình sở hữu tàu ngầm ở Mỹ, Nga/Liên Xô và Trung Quốc; phân tích của các tác giả bài viết về cơ sở hạ tầng chế tạo tàu ngầm ở Mỹ và Trung Quốc.

*Bài viết được đăng trên [War On the Rocks](#).*

Bài dịch thuộc bản quyền Nghiên cứu Biển Đông. Đề nghị chỉ được dẫn đường link, không đăng lại khi chưa có sự đồng ý của Ban Biên tập.

[www.nghiencuubiendong.vn](http://www.nghiencuubiendong.vn)